

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùi Văn Hoạt và bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lý Thị S, sinh năm 1985, tại Hà Giang.

Nơi cư trú: Bản S L, xã Ch X, huyện VH, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý A G và bà Giàng Thị M (Đã chết); Bị cáo có chồng là Giàng A S và 05 con; con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị cáo được tại ngoại do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1986, tại VH, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản D K, xã Ch X, huyện VH, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 6/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có vợ là Lò Thị Th và 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 27/7/2009 Tòa án nhân dân huyện M Ch, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong án phí HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 11/5/2010

Bị bắt, tạm giam ngày 27/4/2020 đến nay. Có mặt.

3. Ngần Tiến D, sinh năm 1990, tại VH, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản D K, xã Ch X, huyện VH, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 11/12 ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngần Văn Th và bà Hà Thị M; Bị cáo có vợ là Hà Thị L và 02 con; con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 30/01/2020 đến nay. Có mặt.

4. Hà Văn T, sinh năm 2000, tại VH, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản D K, xã Ch X, huyện VH, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12 ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn T và bà Lò Thị Ch; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 30/01/2020 đến nay. Có mặt.

Người có QLNVLQ: Chị Hà Thị L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Bản D K, xã Ch X, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người phiên dịch: Anh Mùa A S, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản T S, xã Ch H, huyện M Ch, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đang cùng với Hà Văn T ăn cơm tại nhà Vì Thị S ở cùng bản. Có Nguyễn Văn Kh đi vào gọi D ra ngoài, rủ đến nhà Kh uống rượu. D đồng ý, rủ T đi cùng. Trong khi đang uống rượu ở nhà Kh, D nói sẽ đi đến bản C, xã Đ S, huyện M Ch thăm người ốm và xin phép về. D và T đi xe máy BKS 26P1 - 050.39 về nhà D ngồi uống nước, thì Nguyễn Văn Kh đi bộ đến nhà đưa cho T 100.000 đồng nhờ D và T mua hộ 01 viên Hồng phiến và một ít Heroine, D và T đồng ý. T nhận tiền, điều khiển xe máy chở D đến bản C thăm người ốm. Trên đường quay về D rủ T vào nhà Lý Thị S hỏi mua ma túy. Tại đây, D hỏi mua được của S 02 viên Hồng Phiến với giá 100.000 đồng và hỏi mượn ống điếu, xin giấy bạc để sử dụng Hồng Phiến ngay tại nhà của S. S đồng ý, lấy mảnh giấy bạc và ống điếu bằng vỏ chai nhựa tự chế đưa cho D, sau đó đi trông con. D dùng bật lửa mang theo để đốt và hít Hồng Phiến qua ống điếu. Do bật lửa hỏng, D lại gọi hỏi mượn bật lửa thì được S bảo lấy bật lửa ở gầm bàn uống nước. Sử dụng ma túy xong, D đưa cho T sử dụng (*T không xin mà tự ý sử dụng Hồng Phiến trong nhà S*). Sử dụng xong, D vò giấy bạc ném vào bếp củi đốt. T sử dụng xong ma túy thì gọi S vào hỏi mua hộ Kh 01 viên Hồng Phiến và một ít Heroine gói bằng nilon màu xanh với giá 100.000 đồng. T đưa D cầm số ma túy trên, rồi tiếp tục điều khiển xe máy chở D quay về. Trên đường về đến bản S L thì bị Công an huyện VH phát hiện bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Thị S, Cơ quan điều tra thu giữ tại chuồng gà nhà S 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng, bên trong đựng 14 gói nilon màu xanh, bên trong mỗi gói đều đựng chất bột màu trắng nghi là Heroine. Lý Thị S tự giác giao nộp 02 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng và khai nhận đó là tiền đã bán ma túy cho D và T.

Tiến hành cân tịnh số ma túy thu giữ được của Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S xác định được:

+ Số chất bột màu trắng thu giữ của Ngân Tiến D và Hà Văn T có khối lượng 0,25 gam, lấy toàn bộ gửi làm mẫu giám định ký hiệu DT. Khối lượng 01 viên nén màu hồng thu giữ của Ngân Tiến D và Hà Văn T có khối lượng 0,11 gam, lấy 0,11 gam làm mẫu giám định, ký hiệu DT1.

+ Khối lượng của 14 gói nilon màu xanh thu giữ của Lý Thị S là 0,58 gam, lấy toàn bộ gửi giám định, ký hiệu từ S1 đến S14.

Kết luận giám định số 292/KLMT ngày 06/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "*Mẫu gửi giám định ký hiệu DT1 là ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam; Mẫu gửi giám định ký hiệu DT là ma túy, loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,25 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu từ S1 đến S14 là ma túy, loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,58 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,11 gam. Loại Methamphetamine và 0,83 gam; Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định: Chất bột màu trắng thuộc mẫu giám định ký hiệu DT và chất bột màu hồng thuộc mẫu giám định DT1, không sử dụng đến trong quá trình giám định, có khối lượng DT = 0,19 gam, DT1 = 0,06 gam*"

Quá trình điều tra, Lý Thị S tự giác giao nộp 01 ống điều tự chế bằng vỏ chai nước đã cho Ngân Tiến D mượn để sử dụng ma túy. Căn cứ lời khai của Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S, Cơ quan điều tra khởi tố bị can và bắt tạm giam Nguyễn Văn Kh để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan điều tra, Kh thừa nhận ngày 30/01/2020 đã đưa 100.000 đồng để nhờ D và T mua hộ Hồng Phiến và Heroine về sử dụng. Đợi đến chiều tối chưa thấy D và T về, nên Kh đã bắt xe về Hà Nội làm thuê.

Quá trình điều tra, xác minh chiếc xe máy BKS 26P1 - 050.39 là tài sản chung của Ngân Tiến D và vợ là Hà Thị L. D tự lấy chiếc xe làm phương tiện phạm tội. Chị L không biết và không liên quan đến việc phạm tội của Ngân Tiến D.

Đối với 02 chiếc bật lửa ga D đã dùng để sử dụng ma túy. 01 chiếc để ở gầm bàn nhà Lý Thị S, 01 chiếc bị hồng D đã vứt trên đường quay về. Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

Về nguồn gốc chất ma túy: Lý Thị S khai nhận số Heroine là do nhặt được trên đường đi làm nương tại bản S L vào khoảng tháng 9 năm 2019. Còn 03 viên Hồng Phiến S đã mua được của một phụ nữ Mông không biết tên, địa chỉ ở bản S L vào khoảng tháng 11/2019 với giá 150.000 đồng. Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với người bán ma túy cho S.

Về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy: CQĐT xác định được chỉ có Ngân Tiến D xin S cho sử dụng ma túy và được S đồng ý. Sau đó S ra

ngoài, không để ý việc D sử dụng ma túy. Sau khi D sử dụng xong, T được D đưa cho ống điếu và tự ý sử dụng ma túy mà không xin phép S và S cũng không biết.

Cáo trạng số 40/CT – VKS ngày 11/6/2020 của VKSND huyện VH, truy tố Lý Thị S về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 điều 251 và khoản 1 điều 256 BLHS. Truy tố Nguyễn Văn Kh, Ngân Tiến D, Hà Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 điều 249 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên bảo vệ Cáo trạng, đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Lý Thị S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Nguyễn Văn Kh, Ngân Tiến D, Hà Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Áp dụng điểm b, c khoản 2 điều 251, khoản 1 điều 256 điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lý Thị S từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; từ 2 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp, bị cáo phải chịu hình phạt tù từ 10 đến 11 năm tù.

* Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Ngân Tiến D từ 12 đến 15 tháng tù. Xử phạt Hà Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

* Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Kh từ 18 đến 21 tháng tù.

* Không phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong đựng 15 vỏ gói nilon màu xanh; 01 chiếc lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng; 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Lý Thị S, Ngân Tiến D, Hà Văn T và Nguyễn Văn Kh; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định thuộc mẫu gửi giám định ký hiệu DT và DT1 có khối lượng DT = 0,19 gam Heroine, DT1 = 0,06 gam Methamphetamine của Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S; 01 chiếc ống điếu được làm bằng chai nhựa màu trắng được gắn với một ống tre ở giữa.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 200.000 đồng thu của Lý Thị S.

+ Trả lại chị Hà Thị L: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 26P1 - 050.39, số máy JA38E – 02338G8, số khung RLHJA3816G712863 đã qua sử dụng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí cho Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 30/01/2020 Ngân Tiến D và Hà Văn T cùng nhau đến nhà Lý Thị S, D hỏi mua và được Lý Thị S bán cho 02 viên Hồng Phiến với giá 100.000 đồng để sử

dụng. D hỏi và được S đồng ý, cho mượn ống điều tự chế, giấy bạc và bật lửa ga để sử dụng ma túy ngay tại nhà Lý Thị S. Hà Văn T cũng tự ý sử dụng viên Hồng Phiến còn lại mà không xin phép Lý Thị S. Sau khi sử dụng ma túy xong. T hỏi mua hộ Nguyễn Văn Kh 01 viên Hồng Phiến và một ít Heroine với giá 100.000 đồng. Trên đường D và T quay về thì bị phát hiện bắt giữ. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Thị S, cơ quan điều tra thu giữ 14 gói nilon đựng 0,58 gam Heroine.

Hành vi tàng trữ trái phép 02 loại ma túy (0,11 gam Methamphetamine và 0,25 gam Heroine bán cho Hà Văn T và Ngân Tiến D – mua hộ Nguyễn Văn Kh và 14 gói nilon màu xanh đựng Heroine thu giữ được khi khám xét khẩn cấp chỗ ở, tổng khối lượng là 0,58 gam. Tổng cộng $0,11 + 0,25 + 0,58 = 0,94$ gam) nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy (Bán hai lần, một lần cho Ngân Tiến D và một lần cho Hà Văn T), thu lợi bất chính 200.000 đồng của Lý Thị S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, c khoản 2 điểm 251 BLHS. Hành vi bán trái phép sau đó cho mượn địa điểm để Ngân Tiến D sử dụng trái phép chất ma túy của Lý Thị S đã phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 điều 256 BLHS.

Hành vi nhờ mua hộ 02 loại ma túy của Nguyễn Văn Kh và hành vi mua hộ 02 loại ma túy của Ngân Tiến D và Hà Văn T (0,11 gam Methamphetamine và 0,25 gam Heroine). Căn cứ điều 4, Nghị định số 19/2018/NĐ – CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì: Tổng khối lượng 02 chất ma túy thu giữ được của Ngân Tiến D và Hà Văn T là 0,11 gam Methamphetamine + 0,25 gam Heroine = 0,36 gam. Tổng khối lượng 02 chất ma túy tương đương với khối lượng Heroine và Methamphetamine được quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 BLHS. Do vậy, Ngân Tiến D, Hà Văn T, Nguyễn Văn Kh đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 điều 249 BLHS.

[2] Tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo: Bị cáo Lý Thị S phạm 02 tội, tội rất nghiêm trọng và tội nghiêm trọng. Bị cáo có chồng đang chấp hành án về tội ma túy, không biết lấy làm bài học mà cố tình phạm tội, thu lợi bất chính. Do vậy, cần xử phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Ngân Tiến D, Hà Văn T là đồng phạm trong vụ án, phạm tội nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự địa phương. Nguyễn Văn Kh có nhân thân xấu, là người khởi xướng, bỏ tiền nhờ mua hộ, Hà Văn T thực hành tích cực, trực tiếp nhận tiền của Kh và giao dịch mua ma túy. Ngân Tiến D dùng xe máy để làm phương tiện phạm tội cùng T đi tìm mua ma túy. Bị cáo Hà Văn T có vai trò cao hơn Ngân Tiến D. Do vậy cần xử phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nên đều được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo Ngân Tiến D và Hà Văn T tích cực hợp tác, khai báo giúp cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Kh. Do vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm t khoản 1 điều 51 BLHS. Các bị cáo Lý Thị S, Ngân Tiến D và Hà Văn T là người dân tộc thiểu số sống nơi có điều kiện đặc biệt khó khăn, nhận thức hạn chế, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[4]*Về phạt bổ sung*: Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị, nghiện ma túy, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]*Vật chứng của vụ án*: 01 phong bì niêm phong đựng 15 vỏ gói nilon màu xanh; 01 chiếc lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng; 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Lý Thị S, Ngân Tiến D, Hà Văn T và Nguyễn Văn Kh; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định thuộc mẫu gửi giám định ký hiệu DT và DT1 có khối lượng DT = 0,19 gam Heroine, DT1 = 0,06 gam Methamphetamine của Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S; 01 chiếc ống điều được làm bằng chai nhựa màu trắng được gắn với một ống tre ở giữa là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 26P1 - 050.39, số máy JA38E – 02338G8, số khung RLHJA3816G712863 đã qua sử dụng được các bị cáo Ngân Tiến D và Hà Văn T dùng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh thuộc tài sản chung của Ngân Tiến D và vợ là Hà Thị L. D tự lấy chiếc xe đi mua ma túy. Chị L không biết và không liên quan đến việc phạm tội của Ngân Tiến D. Do vậy, cần tuyên trả lại cho chị Hà Thị L.

Số tiền 200.000 đồng thu của Lý Thị S là tiền do phạm tội mà có. Do vậy, cần tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện VH, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VH, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Điều tra viên, Kiểm sát viên chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7]*Về nguồn gốc chất ma túy*: Lý Thị S khai nhận số Heroine là do nhặt được trên đường đi làm nương tại bản S L vào khoảng tháng 9 năm 2019. Còn 03 viên Hồng Phiến, S đã mua được của một phụ nữ Mông không biết tên, địa chỉ ở bản S L vào khoảng tháng 11/2019 với giá 150.000 đồng. Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với người bán ma túy cho S. Buộc S phải chịu trách nhiệm về toàn bộ khối lượng ma túy tàng trữ mục đích mua bán.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S thuộc diện hộ nghèo và có đề nghị xin miễn án phí, do vậy, không phải chịu án phí HSST. Bị cáo Nguyễn Văn Kh không thuộc hộ nghèo, do đó, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b, c khoản 2 điều 251, khoản 1 điều 256, điểm i khoản 1 điều 249 BLHS: Tuyên bố bị cáo Lý Thị S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Ngân Tiên D và Hà Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 điều 251, khoản 1 điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm a khoản 1 điều 55 BLHS. Xử phạt: Lý Thị S 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 02 (Hai) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày nhập trại chấp hành án.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, 58 BLHS.

- Xử phạt: Nguyễn Văn Kh 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/4/2020.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, 58 BLHS.

- Xử phạt: Ngân Tiên D 13 (Mười ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 30/01/2020.

- Xử phạt: Hà Văn T 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 30/01/2020.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a, b, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong đựng 15 vỏ gói nilon màu xanh; 01 chiếc lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng; 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Lý Thị S, Ngân Tiên D, Hà Văn T và Nguyễn Văn Kh; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu không sử dụng đến trong quá trình giám định thuộc mẫu gửi giám định ký hiệu DT và DT1 có khối lượng DT = 0,19 gam Heroine, DT1 = 0,06 gam Methamphetamine của Ngân Tiên D, Hà Văn T và Lý Thị S; 01 chiếc ống điều được làm bằng chai nhựa màu trắng được gắn với một ống tre ở giữa.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 200.000 đồng thu của Lý Thị S.

+ Trả lại chị Hà Thị L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 26P1 - 050.39, số máy JA38E - 02338G8, số khung RLHJA3816G712863 đã qua sử dụng.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 63/BBVC ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH, và Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0000839 ngày 05/5/2020 của Kho bạc nhà nước huyện VH.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Kh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 1223 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí cho các bị cáo Ngân Tiến D, Hà Văn T và Lý Thị S.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mùi Văn Hoạt

Trần Thị Thu Thủy

Nguyễn Đăng Quang

Nơi nhận:

- TAT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu HS.
- Lưu VP

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)